

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 16 ngày 5 tháng 1 năm 2024.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Ng Wee Siong Leonard	Thành viên
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên
	(từ ngày 15 tháng 9 năm 2023)
Bà Hoàng Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch
	(đến ngày 26 tháng 5 năm 2023)
Ông Byung Chul Shin	Thành viên
	(đến ngày 26 tháng 5 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Ông Đồng Hải Hà	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Tan Bo Quan Andy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Vân Ngọc Nicki	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 9 tháng 8 năm 2023)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần BCG Energy (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng của Công ty thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc của Công ty để phê chuẩn và ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Thư Ủy quyền ngày 1 tháng 11 năm 2023.

Phê chuẩn báo cáo tài chính riêng

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 53. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



The stamp is a red circular seal with the text 'M.S.D.N: 03114454' at the top, 'CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY' in the center, and 'THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH' at the bottom. A blue ink signature is written across the stamp.

Phạm Nguyễn Ngọc Thương
Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 2 năm 2024



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần BCG Energy ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 2 năm 2024. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 53.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2024-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Vũ Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3631-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM14506
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.997.016.695.574	805.276.848.372
110	Tiền		14.952.726.806	29.294.646.964
111	Tiền	3	14.952.726.806	29.294.646.964
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		592.380.000	592.380.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		592.380.000	592.380.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		2.974.852.964.522	763.306.186.220
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	34.048.831.180	7.250.373.280
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6(a)	37.334.627.300	1.026.506.600
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	405.340.300.000	593.515.144.022
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	2.498.129.206.042	161.514.162.318
150	Tài sản ngắn hạn khác		6.618.624.246	12.083.635.188
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9	3.182.796.468	7.339.881.599
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13	3.435.827.778	4.743.753.589
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		5.543.574.583.075	8.215.894.137.629
210	Các khoản phải thu dài hạn		348.817.180.000	2.990.520.000.000
212	Trả trước cho người bán dài hạn	6(b)	-	36.000.000.000
215	Phải thu về cho vay dài hạn	7	348.807.180.000	454.510.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	10.000.000	2.500.010.000.000
220	Tài sản cố định		6.888.168.390	7.907.322.253
221	Tài sản cố định hữu hình	10	6.888.168.390	7.907.322.253
222	Nguyên giá		9.674.875.456	9.674.875.456
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.786.707.066)	(1.767.553.203)
240	Tài sản dở dang dài hạn		513.535.623	513.535.623
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		513.535.623	513.535.623
250	Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.187.008.183.228	5.216.368.069.577
251	Đầu tư vào công ty con		5.387.131.173.850	5.301.566.176.102
252	Đầu tư vào công ty liên kết		27.157.712.350	27.157.712.350
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		82.145.000.000	83.035.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(309.425.702.972)	(195.390.818.875)
260	Tài sản dài hạn khác		347.515.834	585.210.176
261	Chi phí trả trước dài hạn		347.515.834	585.210.176
270	TỔNG TÀI SẢN		8.540.591.278.649	9.021.170.986.001

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.179.966.921.304	4.582.322.162.894
310	Nợ ngắn hạn		1.074.338.939.073	1.581.330.718.447
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11(a)	170.168.496.154	299.465.891.760
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	833.373.000.000	745.017.000.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	300.069.666	231.683.671
314	Phải trả người lao động		1.576.622.500	1.987.015.001
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.648.056.273	53.083.446.875
319	Phải trả ngắn hạn khác	15(a)	18.377.694.480	374.022.685.394
320	Vay ngắn hạn	16(a)	46.895.000.000	107.522.995.746
330	Nợ dài hạn		105.627.982.231	3.000.991.444.447
331	Phải trả người bán dài hạn	11(b)	105.627.982.231	-
337	Phải trả dài hạn khác	15(b)	-	387.167.000.000
338	Vay dài hạn	16(b)	-	2.613.824.444.447
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.360.624.357.345	4.438.848.823.107
410	Vốn chủ sở hữu		7.360.624.357.345	4.438.848.823.107
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	7.300.000.000.000	4.500.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.300.000.000.000	4.500.000.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	18	60.624.357.345	(61.151.176.893)
421a	- Lỗ lũy kế của các năm trước		(61.151.176.893)	(119.432.808.167)
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		121.775.534.238	58.281.631.274
440	TỔNG NGUỒN VỐN		8.540.591.278.649	9.021.170.986.001



Nguyễn Thị Thanh Hạ
Người lập



Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng



Phạm Nguyễn Ngọc Thương
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 29 tháng 2 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.042.522.037	67.391.801.431
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	48.042.522.037	67.391.801.431
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(25.293.503.677)	(34.186.385.517)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	22.749.018.360	33.205.415.914
21	Doanh thu hoạt động tài chính	603.758.327.851	523.146.444.269
22	Chi phí tài chính	(475.598.248.791)	(463.190.278.346)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(347.084.433.660)	(288.879.347.118)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(34.103.039.505)	(34.419.276.135)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	116.806.057.915	58.742.305.702
31	Thu nhập khác	5.456.150.640	87.384.363
32	Chi phí khác	(483.074.317)	(548.058.791)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	4.973.076.323	(460.674.428)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	121.779.134.238	58.281.631.274
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành	(3.600.000)	-
52	Thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	121.775.534.238	58.281.631.274



Nguyễn Thị Thanh Hạ
Người lập



Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng



Phạm Nguyễn Ngọc Thương
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 29 tháng 2 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	121.779.134.238	58.281.631.274
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	1.019.153.863	1.101.415.642
03	Các khoản trích lập dự phòng	114.034.884.097	132.442.617.918
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(185.065.653.789)	(203.787.604.166)
06	Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu	349.389.989.213	292.372.680.454
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	401.157.507.622	280.410.741.122
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	149.376.602.556	(482.783.932.648)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(678.199.103.128)	37.433.742.172
12	Giảm chi phí trả trước	4.394.779.473	247.885.339
14	Tiền lãi vay, lãi trái phiếu đã trả	(396.788.131.929)	(281.981.646.109)
15	Thuế TNDN đã nộp	(3.600.000)	(778.182.056)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(520.061.945.406)	(447.451.392.180)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	-	(50.900.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	309.090.909
23	Tiền chi cho vay	(196.268.000.000)	(1.624.280.884.166)
24	Tiền thu hồi cho vay	354.680.666.274	1.227.868.228.582
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(931.620.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	50.790.000.000	300.020.564.800
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	173.275.354.720	104.804.218.538
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	382.478.020.994	(922.949.681.337)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	2.800.000.000.000	1.605.000.000.000
33	Tiền thu đi vay	78.849.347.604	608.944.204.166
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(2.755.607.343.350)	(721.041.208.420)
36	Tiền chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	-	(121.000.000.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	123.242.004.254	1.371.902.995.746
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(14.341.920.158)	1.501.922.229
60	Tiền đầu năm	29.294.646.964	27.792.724.735
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền cuối năm	14.952.726.806	29.294.646.964

Nguyễn Thị Thanh Hạ
Người lập

Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng



Phạm Nguyễn Ngọc Thương
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 29 tháng 2 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần BCG Energy (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 ngày 5 tháng 1 năm 2024.

Chi tiết chủ sở hữu của Công ty tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 17.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 8 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 11 công ty con trực tiếp, 11 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp qua công ty con). Chi tiết được trình bày như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %
Công ty con trực tiếp							
1	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Sản xuất điện	Bến Lức, Long An	91,84	91,84	91,84	91,84
2	Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch (i)	Sản xuất điện	Phù Mỹ, Bình Định	51,00	41,28	51,00	41,28
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên	Sản xuất điện	Pleiku, Gia Lai	51,00	51,00	51,00	51,00
4	Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Sản xuất điện	Vũng Liêm, Vĩnh Long	50,50	50,50	50,50	50,50
5	Công ty Cổ phần Skylar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00
6	Công ty Cổ phần BCG GAIA	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,97	50,23	50,97	50,82
7	Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Sản xuất điện	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	90,00	90,00	90,00	90,00
8	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Sản xuất điện	Trà Vinh	100,00	99,90	100,00	99,90
9	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Sản xuất điện	Trà Vinh	100,00	99,93	100,00	99,93

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %
Công ty con trực tiếp (tiếp theo)							
10	Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00
11	Công ty Cổ phần E Power 1 (ii)	Tư vấn, quản lý	TP. Hồ Chí Minh	-	-	99,80	99,80
Công ty con gián tiếp							
1	Công ty Cổ phần Greensky Infinitive (iii)	Lắp đặt hệ thống xây dựng điện	TP. Hồ Chí Minh	99,80	98,80	74,90	74,15
2	Công ty Cổ phần Cosmos Solar (iv)	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	98,01	99,00	98,01
3	Công ty Cổ phần Herb Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
4	Công ty Cổ phần Orchid Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
5	Công ty Cổ phần Violet Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
6	Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Sản xuất điện	Thành Hóa, Long An	99,90	50,23	99,90	50,82
7	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	Sản xuất điện	Thành Hóa, Long An	99,90	50,23	99,90	50,82
8	Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy (v)	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,80	98,80	-	-
9	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 (vi)	Sản xuất điện	Cà Mau	-	-	51,00	50,49
10	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3 (vi)	Sản xuất điện	Cà Mau	-	-	99,98	50,48
11	Công ty TNHH Cơ điện Skylar5 (vii)	Xây dựng công trình điện	TP. Hồ Chí Minh	-	-	100,00	99,00
12	Công ty Cổ phần Casper Solar (viii)	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	-	-	99,00	98,01
Công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp							
1	Công ty TNHH Skylight Power	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,00	50,00	50,00	50,00
2	Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	49,00	49,00	49,00	49,00
Công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con							
1	Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,00	49,50	50,00	49,50

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

- (i) Theo các Ủy quyền biểu quyết vô điều kiện và không hủy ngang ngày 27 tháng 12 năm 2021, 2 cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Xanh đã ủy quyền toàn bộ 9,72% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết trong công ty này.
- (ii) Theo Nghị Quyết họp Hội đồng Quản trị số 01/2023/NQ-HĐQT-TNM ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần tại của Công ty tại Công ty Cổ phần E Power 1, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 49,9 tỷ Đồng theo Hợp đồng mua bán liên quan. Các thủ tục về việc chuyển nhượng đã được hoàn tất vào ngày 18 tháng 9 năm 2023.
- (iii) Theo Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-GSI ngày 28 tháng 9 năm 2023 về việc phê duyệt giảm vốn điều lệ Công ty Cổ phần Greensky Infinitive, công ty này giảm vốn điều lệ từ 116.386.000.000 Đồng xuống còn 2.116.000.000 Đồng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của các công ty đầu tư thay đổi theo, Công ty Cổ phần Skylar nắm giữ 211.178 cổ phần, tương ứng với 99,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Greensky Infinitive.
- (iv) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 04/2023/NQ-ĐHĐCĐ-COSMOS ngày 6 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt giải thể Công ty Cổ phần Cosmos Solar. Tại ngày 20 tháng 2 năm 2024, Công ty đã hoàn tất các thủ tục liên quan để giải thể công ty con này.
- (v) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ-SKYLAR ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc chuyển đổi mục đích đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy, Công ty quyết định không tiếp tục tìm đối tác chuyển nhượng mà thay vào đó sẽ đổi mục đích đầu tư từ đầu tư chứng khoán kinh doanh sang đầu tư dài hạn do Tập đoàn chưa hoàn thành tìm kiếm được đối tác để chuyển nhượng Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy trước thời hạn ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo như kế hoạch ban đầu. Theo đó Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy trở thành Công ty con của Tập đoàn.
- (vi) Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 06/2022/BBH – HĐQT – AURAI ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc phê duyệt chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 và Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cho Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 với giá trị chuyển nhượng lần lượt là 150 tỷ Đồng và 148,5 tỷ Đồng theo các hợp đồng mua bán cổ phần liên quan. Các thủ tục về việc chuyển nhượng đã được hoàn tất vào ngày 12 tháng 6 năm 2023.
- (vii) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 03/2023/BBH-HĐQT-SKYLAR ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Công ty Cổ phần Skylar về việc phê duyệt các thay đổi tại Công ty TNHH Cơ điện Skylar5, Công ty Cổ phần Skylar đã thoái toàn bộ vốn điều lệ, tương ứng với 5.000.000 cổ phần tại Công ty TNHH Cơ điện Skylar5, thông qua chuyển nhượng cho ông Lâm Minh Kiệt với giá trị chuyển nhượng là 5 tỷ Đồng. Các thủ tục về chuyển quyền sở hữu cổ phần này đã được Công ty Cổ phần Skylar hoàn tất vào ngày 30 tháng 3 năm 2023.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

(viii) Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 04/2023/BBH-ĐHĐCĐ-CASPER ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Casper Solar về việc thay đổi cơ cấu cổ đông, Công ty Cổ phần Skylar đã thoái toàn bộ vốn điều lệ, tương ứng với 198.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Casper Solar, thông qua chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần E Power 1 với giá trị chuyển nhượng là 1.980.000.000 Đồng. Các thủ tục về chuyển nhượng này đã được Công ty Cổ phần Skylar hoàn tất vào ngày 20 tháng 12 năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 61 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 73 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bằng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(b) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức chia lợi nhuận trước thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận trước thuế.

BCC chia lợi nhuận trước thuế là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát, trong đó:

- (i) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.
- (ii) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.
- (iii) Nếu Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ doanh thu và chi phí cho các bên tham gia BCC trong kỳ theo tỷ lệ tham gia.
- (vi) Nếu Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phần doanh thu và chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính riêng trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Thiết bị quản lý	2 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các bên liên quan và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi theo phương pháp lãi suất thực. Cấu phần nợ được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Sau ghi nhận ban đầu, định kỳ Công ty ghi nhận lãi trái phiếu theo lãi suất thực. Các chi phí phát hành trái phiếu khi phát sinh được ghi giảm phần nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính.

Khi đáo hạn, cấu phần vốn là giá trị quyền chọn cổ phiếu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không.

2.17 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng dựa vào ngày thông báo của Hội đồng Quản trị sau khi có phương án chia cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.20 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu; dự phòng đầu tư tài chính; chi phí tài chính khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.24 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết và các công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.26 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.27 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN

	2023 VND	2022 VND
Tiền gửi ngân hàng	<u>14.952.726.806</u>	<u>29.294.646.964</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

(a) Đầu tư vào công ty con

	2023				2022			
	Giá gốc VND	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần BCG GAIA (i)	1.062.539.986.488	50,23	(*)	(261.176.188.681)	927.074.988.740	50,82	(*)	(155.761.164.320)
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	806.475.000.000	92,71	(*)	(355.472.353)	806.475.000.000	92,71	(*)	(200.715.339)
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch	761.525.278.271	41,28	(*)	-	761.525.278.271	41,28	(*)	-
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	742.500.000.000	99,00	(*)	(2.079.021.416)	742.500.000.000	99,00	(*)	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	567.350.000.000	90,16	(*)	(13.327.869.939)	567.350.000.000	90,16	(*)	(24.703.617.892)
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	540.000.000.000	90,00	(*)	-	540.000.000.000	90,00	(*)	-
Công ty Cổ phần Skylar	495.000.000.000	99,00	(*)	-	495.000.000.000	99,00	(*)	-
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	181.340.909.091	50,50	(*)	(22.846.647.044)	181.340.909.091	50,50	(*)	(5.162.499.347)
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	122.400.000.000	51,00	(*)	(5.076.922.540)	122.400.000.000	51,00	(*)	(4.367.502.627)
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	108.000.000.000	91,84	(*)	(2.475.710.028)	108.000.000.000	91,84	(*)	(2.569.058.741)
Công ty Cổ phần E Power 1 (ii)	-	-	-	-	49.900.000.000	99,80	(*)	-
	<u>5.387.131.173.850</u>			<u>(307.337.832.001)</u>	<u>5.301.566.176.102</u>			<u>(192.764.558.266)</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG-BCG GAIA của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần BCG GAIA (“GAIA”) về việc tăng vốn điều lệ trong công ty này, GAIA đã phát hành 23.776.296 cổ phần phổ thông cho Công ty với giá 28.487 Đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, nếu trong trường hợp nhà đầu tư là Sembcorp Energy Vietnam I Pte. Ltd. hoàn tất mua 46.863.500 cổ phần phổ thông và 1.410.616 cổ phần ưu đãi mà GAIA sẽ phát hành thêm trong tương lai thì Công ty có nghĩa vụ sẽ phải thanh toán thêm cho GAIA số tiền là 135.464.997.748 Đồng cho số lượng cổ phần đã mua này. Tại ngày 19 tháng 7 năm 2023, Sembcorp Energy Vietnam I Pte. Ltd. đã mua hết số lượng cổ phiếu ưu đãi như trên. Theo đó, Công ty cũng đã thực hiện việc thanh toán thêm cho GAIA số tiền là 135.464.997.748 Đồng bằng cách cán trừ với khoản phải thu GAIA về cho vay theo Thỏa thuận cán trừ công nợ ngày 19 tháng 7 năm 2023.
- (ii) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/2023/BB-HĐQT_TNM ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần E Power 1, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 49,9 tỷ Đồng theo Hợp đồng mua bán liên quan. Các thủ tục chuyển nhượng đã được hoàn tất vào ngày 18 tháng 9 năm 2023.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	2023			2022		
	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Skylight Power	50,00	24.952.712.350 (*)	(2.087.870.971)	50,00	(*)	(2.626.260.609)
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	49,00	2.205.000.000 (*)	-	49,00	(*)	-
		<u>27.157.712.350</u>	<u>(2.087.870.971)</u>			<u>(2.626.260.609)</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(c) Đầu tư vào đơn vị khác

	2023			2022				
	Giá gốc VND	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	59.400.000.000	18,00	(*)	-	59.400.000.000	18,00	(*)	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	21.600.000.000	18,00	(*)	-	21.600.000.000	18,00	(*)	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	785.000.000	0,10	(*)	-	785.000.000	0,10	(*)	-
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	360.000.000	0,10	(*)	-	360.000.000	0,10	(*)	-
Công ty Cổ phần Tracodi Power (i)	-	-	-	-	590.000.000	11,80	(*)	-
Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 2 (ii)	-	-	-	-	300.000.000	0,10	(*)	-
	<u>82.145.000.000</u>				<u>83.035.000.000</u>			

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Tracodi Power, theo đó Công ty đã thoái vốn toàn bộ 11,8% vốn điều lệ, tương ứng với 59.000 cổ phần. Các thủ tục về việc chuyển nhượng của Công ty đã được hoàn tất vào ngày 22 tháng 12 năm 2023.

(ii) Theo Biên bản Đại hội đồng Cổ đông số 06/2022/BBH-HĐQT-AURAL ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc phê duyệt chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2. Theo đó Công ty đã thoái vốn toàn bộ 0,1% vốn điều lệ, tương ứng với 300.000 cổ phần theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 29 tháng 12 năm 2022. Các thủ tục về việc chuyển nhượng của Công ty đã được hoàn tất vào ngày 12 tháng 6 năm 2023.

Thông tin hoạt động kinh doanh của các công ty này như sau:

Công ty	Nơi thành lập, đăng kí hoạt động	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất điện

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2023 VND	2022 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	34.048.831.180	7.250.373.280

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**(a) Ngắn hạn**

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang (*)	36.000.000.000	-
Viện Năng lượng	980.000.000	980.000.000
Khác	354.627.300	46.506.600
	<u>37.334.627.300</u>	<u>1.026.506.600</u>

(*) Đây là khoản đặt cọc cho việc chuyển nhượng cổ phần tại các công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang theo Thỏa thuận Đặt cọc số 1801/2021/HDDC ký ngày 18 tháng 1 năm 2021 về việc đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần và biên bản làm việc ngày 21 tháng 12 năm 2022 cho việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến hết năm 2024.

Tuy nhiên, tại ngày 6 tháng 2 năm 2024, Công ty đã thanh lý hợp đồng với Công ty Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang theo và chuyển đổi khoản trả trước này thành khoản đầu tư hợp tác giữa hai bên theo thỏa thuận chấm dứt hợp đồng nguyên tắc ngày 6 tháng 2 năm 2024 để đầu tư dự án Nhà máy Điện gió E&M Đắk Lắk, với thời hạn là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng này sẽ được phân chia lợi nhuận khi dự án đi vào hoạt động.

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang (*)	-	36.000.000.000

(*) Khoản này đã được phân loại trình bày sang khoản trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6(a)).

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, toàn bộ số dư thể hiện khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty với các bên liên quan (Thuyết minh 28(b)) với lãi suất từ 9%/năm đến 14.05%/năm với kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 120 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lãi suất từ 0%/năm đến 10,5%/năm).

8 PHẢI THU KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	2023		2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Vốn góp vào BCC (*)	2.380.135.455.067	-	-	-
Lãi từ cho vay và BCC	116.952.509.990	-	105.372.101.333	-
Tạm ứng cho nhân viên	81.800.000	-	-	-
Cổ tức	-	-	54.000.000.000	-
Khác	959.440.985	-	2.015.660.985	-
	<u>2.498.129.206.042</u>	<u>-</u>	<u>161.514.162.318</u>	<u>-</u>
Trong đó:				
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	2.498.047.406.042	-	161.387.762.318	-
Bên thứ ba	81.800.000	-	126.400.000	-
	<u>2.498.129.206.042</u>	<u>-</u>	<u>161.514.162.318</u>	<u>-</u>

(*) Theo BCC số 270421BCG-KL1 ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1, hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và Công ty sẽ được hưởng lợi nhuận là 12%/năm trên số tiền đã chuyển mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án theo phụ lục số 04 Hợp đồng 270421 BCG – KL ngày 1 tháng 11 năm 2023 (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 12%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải thu khác ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

8 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**(b) Dài hạn**

	2023		2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ BCC (*)	-	-	2.500.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	10.000.000	-	10.000.000	-
	<u>10.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.500.010.000.000</u>	<u>-</u>
Trong đó:				
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	-	-	2.500.000.000.000	-
Bên thứ ba	10.000.000	-	10.000.000	-
	<u>10.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.500.010.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Khoản phải thu từ BCC này được phân loại trình bày sang phải thu ngắn hạn khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư này là 2.380.135.455.067 Đồng (Thuyết minh 8(a)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải thu khác dài hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND
Chi phí quản lý tài sản đảm bảo	2.737.603.307	2.613.636.365
Chi phí dịch vụ thu xếp vốn	-	4.356.060.605
Khác	445.193.161	370.184.629
	<u>3.182.796.468</u>	<u>7.339.881.599</u>

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (“TSCĐ”) HỮU HÌNH

	Máy móc Thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	155.200.001	9.468.775.455	50.900.000	9.674.875.456
Giá trị khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	84.013.885	1.681.418.485	2.120.833	1.767.553.203
Khấu hao trong năm	24.727.771	968.976.096	25.449.996	1.019.153.863
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	108.741.656	2.650.394.581	27.570.829	2.786.707.066
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	71.186.116	7.787.356.970	48.779.167	7.907.322.253
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	46.458.345	6.818.380.874	23.329.171	6.888.168.390

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng.

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**(a) Ngắn hạn**

	2023		2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty TNHH				
Xây dựng				
Thuận Nguyên	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Khác	21.710.149.420	21.710.149.420	25.637.129.081	25.637.129.081
Bên liên quan				
(Thuyết minh 28(b))	118.458.346.734	118.458.346.734	243.828.762.679	243.828.762.679
	<u>170.168.496.154</u>	<u>170.168.496.154</u>	<u>299.465.891.760</u>	<u>299.465.891.760</u>

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**(b) Dài hạn**

	2023		2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	105.627.982.231	105.627.982.231	-	-

(c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba Công ty TNHH Thái Hòa	1.650.000.000	1.650.000.000

Đây là khoản phải trả đã quá hạn liên quan đến việc mua cổ phần Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng, Công ty đang đàm phán để gia hạn các khoản nợ này.

12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	833.373.000.000	745.017.000.000

Đây chủ yếu là khoản trả trước liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Đông Thành 2 cho Công ty Cổ phần Aurai Wind theo Hợp đồng số 01.2021.AURAI.BCGE ký ngày 25 tháng 11 năm 2021. Theo hợp đồng đã ký kết và các biên bản gia hạn liên quan thì việc chuyển nhượng vốn góp sẽ được đăng ký và hoàn thành thủ tục chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/THU NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/thu Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Cán trừ trong năm VND	Số đã thực nộp/thu trong năm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
(a) Phải nộp					
Thuế TNDN	-	3.600.000	-	(3.600.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	231.683.671	1.877.442.812	-	(1.809.056.817)	300.069.666
Thuế GTGT	-	4.547.550.300	(4.547.550.300)	-	-
Khác	-	814.436.677	-	(814.436.677)	-
	<u>231.683.671</u>	<u>7.243.029.789</u>	<u>(4.547.550.300)</u>	<u>(2.627.093.494)</u>	<u>300.069.666</u>
(b) Phải thu					
Thuế GTGT được khấu trừ	4.743.753.589	3.239.624.489	(4.547.550.300)	-	3.435.827.778

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	1.677.996.000	1.769.688.333
Chi phí lãi vay	1.610.060.273	3.893.703.944
Chi phí lãi trái phiếu	-	47.420.054.598
Khác	360.000.000	-
	<u>3.648.056.273</u>	<u>53.083.446.875</u>

15 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Phải trả cho BCC (*)	18.267.590.000	344.435.497.132
BHXH, BHYT, BHTN	77.765.280	224.364.640
Lãi phải trả cho BCC	-	27.221.927.603
Khác	32.339.200	2.140.896.019
	<u>18.377.694.480</u>	<u>374.022.685.394</u>

Trong đó:

Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	18.267.590.000	202.498.215.842
Bên thứ ba	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond	-	71.287.111.425
Công ty Cổ phần Artemis Investment	-	90.797.845.413
Khác	110.104.480	9.439.512.714
	<u>18.377.694.480</u>	<u>374.022.685.394</u>

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Phải trả cho BCC		
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	-	387.167.000.000
	<u>-</u>	<u>387.167.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**Mẫu số B 09 – DN****15 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)**

(*) Chi tiết số dư phải trả cho BCC như sau:

Bên góp BCC	Số tiền VND	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
Ngắn hạn Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long (i)	6.787.590.000	01022021/HTKD-BCGE-VNECO: 1/02/2021 - 1/7/2022	Hợp tác hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến công tác hoàn công quyết toán dự án Nhà máy điện mặt trời Vneco - Vĩnh Long	<ul style="list-style-type: none"> 1% lợi nhuận của bên nhận góp vốn và trong thời gian BCC có hiệu lực
Công ty Cổ phần Mega Solar	11.480.000.000	0612/2022/HTKD/BCGE-MGS: 6/12/2022 - 6/12/2023 7/12/2023 – 6/12/2024	Hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến: bất động sản, Cơ sở hạ tầng, dự án sản, xuất kinh doanh, kinh doanh trái phiếu, cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
	18.267.590.000			

(i) Theo thỏa thuận chấm dứt BCC giữa Công ty và các bên góp BCC, Công ty có nghĩa vụ hoàn trả các khoản này chậm nhất trong vòng 24 tháng kể từ ngày kết thúc BCC.

16 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Giải ngân VND	Trả nợ vay VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 28(a))	-	10.972.347.604	(10.972.347.604)	-
Trái phiếu chuyển đổi (i)	67.636.791.580	-	(67.636.791.580)	-
Khác (ii)	39.886.204.166	67.877.000.000	(60.868.204.166)	46.895.000.000
	<u>107.522.995.746</u>	<u>78.849.347.604</u>	<u>(139.477.343.350)</u>	<u>46.895.000.000</u>

- (i) Đây là khoản trái phiếu chuyển đổi được phát hành riêng lẻ, số lượng là 1.157.500 trái phiếu với mã là BOND/BE/2019.01 cho Hanwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd., theo Hợp đồng ngày 13 tháng 8 năm 2019, đã đáo hạn vào ngày 4 tháng 9 năm 2022. Theo đó, 2 bên đã ký thỏa thuận gia hạn thanh toán trái phiếu này đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại thời điểm đáo hạn trước đó Hanwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd đã không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu. Lãi suất áp dụng là 10%/năm và việc gia hạn này được đảm bảo thanh toán bằng 16.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bamboo Capital.

Tại ngày 31 tháng 7 năm 2023, Công ty đã thanh toán phần gốc và lãi còn lại của lô trái phiếu chuyển đổi phát hành riêng lẻ cho Hanwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd.

- (ii) Chi tiết khoản vay ngắn hạn với đối tượng khác như sau:

Bên cho vay	Tại ngày 31.12.2023 VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
Ông Huỳnh Phúc Đạt	<u>46.895.000.000</u>	Tài trợ vốn lưu động	Đến 4/8/2024	10	Tín chấp

16 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Giải ngân VND	Trả nợ vay VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Trái phiếu phát hành (iii)	2.500.000.000.000	-	(2.500.000.000.000)	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(2.305.555.553)	-	2.305.555.553	-
Bên liên quan	35.000.000.000	-	(35.000.000.000)	-
Khác	81.130.000.000	-	(81.130.000.000)	-
	<u>2.613.824.444.447</u>	<u>-</u>	<u>(2.613.824.444.447)</u>	<u>-</u>

(iii) Chi tiết về trái phiếu phát hành như sau:

Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCH2124002 và EBCCH2124003 với mệnh giá 100.000.000 Đồng/trái phiếu, phát hành lần lượt từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và ngày 24 tháng 5 năm 2021. Loại hình của 2 mã trái phiếu này là: trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng 33.000.000 cổ phần của các cổ đông Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 và toàn bộ quyền, lợi ích phát sinh từ và liên quan đến dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1.

Mục đích phát hành hai loại trái phiếu này là để đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư (Thuyết minh 8(a)).

Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị số 37/2022/BB-HĐQT-BCGE ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc thay đổi lãi suất áp dụng đối với kỳ tính lãi tiếp theo của trái phiếu EBCCH2124002 và EBCCH2124003, cụ thể, lãi suất cố định là 14%/năm lần lượt tương ứng với kỳ tính lãi từ 26 tháng 10 năm 2022 đến 26 tháng 10 năm 2023 và từ 25 tháng 11 năm 2022 đến 25 tháng 11 năm 2023, lãi suất áp dụng với kỳ còn lại là 10%/năm.

Tại ngày 16 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thực hiện thanh toán trước hạn cho lô trái phiếu có mã EBCCH2124002 phát hành ngày 26 tháng 4 năm 2021 và cho lô trái phiếu có mã EBCCH2124003 phát hành ngày 24 tháng 5 năm 2021.

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2023		2022	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	730.000.000	-	450.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	-	450.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	730.000.000	-	450.000.000	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2023		2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	369.800.000	50,66	369.800.000	82,18
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	6.000.000	0,82	6.000.000	1,33
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	8.500.000	1,16	8.500.000	1,89
Cá nhân khác	345.700.000	47,36	65.700.000	14,60
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	100	450.000.000	100

(c) Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	217.500.000	2.175.000.000.000	2.175.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	232.500.000	2.325.000.000.000	2.325.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	450.000.000	4.500.000.000.000	4.500.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	280.000.000	2.800.000.000.000	2.800.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	730.000.000	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	(Lỗ lũy kế)/LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	2.175.000.000.000	1.567.191.833	2.176.567.191.833
Vốn tăng trong năm	2.325.000.000.000	-	2.325.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	58.281.631.274	58.281.631.274
Chia cổ tức	-	(121.000.000.000)	(121.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.500.000.000.000	(61.151.176.893)	4.438.848.823.107
Vốn tăng trong năm (*)	2.800.000.000.000	-	2.800.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	121.775.534.238	121.775.534.238
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.300.000.000.000	60.624.357.345	7.360.624.357.345

(*) Theo Biên bản Hội Đại hội đồng Cổ đông số 23/2023/BB-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 16 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 4.500 tỷ VND lên 7.300 tỷ VND.

19 KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**Tài sản thuê hoạt động**

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 31.

20 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	48.042.522.037	62.371.245.000
Doanh thu thuần về bán hệ thống điện mặt trời	-	1.212.406.000
Doanh thu thuần khác	-	3.808.150.431
	48.042.522.037	67.391.801.431

21 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn của dịch vụ tư vấn quản lý	25.293.503.677	29.186.650.529
Giá vốn của hệ thống điện mặt trời	-	1.188.633.333
Giá vốn khác	-	3.811.101.655
	25.293.503.677	34.186.385.517

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lãi từ BCC (Thuyết minh 28(a))	418.691.264.655	319.041.069.587
Cổ tức (Thuyết minh 28(a))	114.860.000.000	128.250.000.000
Lãi tiền cho vay, tiền gửi	70.205.653.789	60.324.374.682
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.409.407	-
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	15.531.000.000
	<u>603.758.327.851</u>	<u>523.146.444.269</u>
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh 28(a))	603.650.541.841	523.036.831.478
Bên thứ ba	107.786.010	109.612.791
	<u>603.758.327.851</u>	<u>523.146.444.269</u>

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lãi trái phiếu phải trả	334.761.080.558	275.902.300.871
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	114.034.884.097	132.442.617.918
Lãi tiền vay	12.323.353.102	12.977.046.247
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	2.305.555.553	3.493.333.336
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.123.100.000	13.919.277
Chi phí BCC	-	19.489.396.912
Khác	11.050.275.481	18.871.663.785
	<u>475.598.248.791</u>	<u>463.190.278.346</u>

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.904.146.569	17.746.737.246
Chi phí nhân viên	11.726.413.238	15.483.734.803
Chi phí công cụ dụng cụ	817.349.324	680.794.373
Chi phí khấu hao TSCĐ	305.746.157	325.031.940
Thuế, phí và lệ phí	173.243.771	75.927.433
Khác	176.140.446	107.050.340
	<u>34.103.039.505</u>	<u>34.419.276.135</u>

25 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập khác		
Khác	5.456.150.640	87.384.363
	<u>5.456.150.640</u>	<u>87.384.363</u>
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	(483.074.317)	(127.501.547)
Lỗi do thanh lý, nhượng bán tài sản	-	(399.712.111)
Khác	-	(20.845.133)
	<u>(483.074.317)</u>	<u>(548.058.791)</u>
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	<u>4.973.076.323</u>	<u>(460.674.428)</u>

26 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	121.779.134.238	58.281.631.274
Thuế tính ở thuế suất 20%	24.355.826.848	11.656.326.255
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(22.972.000.000)	(25.650.000.000)
Chi phí không được khấu trừ	163.129.255	83.491.318
Lỗi tính thuế nhưng không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	-	13.910.182.427
Lỗi tính thuế được sử dụng	(1.546.956.103)	
Dự phòng thiếu của năm trước	3.600.000	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>3.600.000</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:		
Thuế TNDN - hiện hành	3.600.000	-
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	<u>3.600.000</u>	<u>-</u>

26 THUẾ TNDN (tiếp theo)

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2022	Chưa quyết toán	69.550.912.135	(7.734.780.515)	61.816.131.620

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	26.044.934.826	32.482.676.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.165.720.952	29.158.062.828
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.019.153.863	1.101.415.642
Chi phí khác	1.166.733.541	4.674.873.801
	<u>59.396.543.182</u>	<u>67.417.028.319</u>

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital, một công ty thành lập tại Việt Nam do chiếm 50,66% vốn điều lệ của Công ty.

Chi tiết của các công ty con và công ty liên kết như trong Thuyết minh 4.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Ban điều hành, quản lý
Ông Nguyễn Văn Lục	Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	Công ty mẹ
Ông Vũ Ngọc Tiến	Cổ đông
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Công ty con
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	Công ty con
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Công ty con
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Mega Solar	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần E Power 1	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Taxi Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Đầu tư khác
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần phát triển Nguyễn Hoàng	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Côn Bắp	Cùng công ty mẹ

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Apollo DV1	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever5	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever6	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever7	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Công ty thành viên cùng tập đoàn (*)
Công ty Cổ phần Indoba Trading	Công ty thành viên cùng tập đoàn (*)

(*) Từ ngày 31/12/2023, các đối tượng này không còn là bên liên quan của Công ty.

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	2023 VND	2022 VND
<i>i) Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	13.822.380.000	13.993.420.000
Công ty Cổ phần Skylar	7.243.000.000	8.821.025.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	4.090.540.000	1.055.040.000
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch	3.201.424.000	1.025.460.000
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	3.369.180.000	842.100.000
Công ty Cổ phần BCG GAIA	600.000.000	11.711.700.000
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	490.000.000	420.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	-	502.500.000
	<u>32.816.524.000</u>	<u>38.371.245.000</u>
<i>ii) Mua dịch vụ</i>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	11.965.000.000	12.643.840.161
Tổng Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm AAA	211.193.271	864.000
Công ty Taxi Việt Nam	79.323.759	-
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	33.048.182	64.983.833
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	-	2.010.770.904
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	-	3.867.811.348
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	-	813.952.566
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	-	986.378.185
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	170.015.066
	<u>12.288.565.212</u>	<u>20.558.616.063</u>

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
iii) Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	61.134.570.002	51.812.485.888
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	4.267.752.161	104.490.494
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	2.279.792.462	5.096.547.470
Công ty Cổ phần Skylar	613.147.926	1.441.125.290
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	438.685.216	614.439.287
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	343.124.382	-
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	272.710.232	508.773.580
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	219.975.528	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	121.364.071	45.747.336
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	109.047.950	-
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	98.630.139	351.369.861
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	90.648.023	41.453.507
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	68.789.587	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	28.218.082	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	11.095.890	-
Công ty Cổ phần E Power 1	1.725.535	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	200.959
Công ty TNHH Một thành viên Apollo DV1	-	198.128.219
	70.099.277.186	60.214.761.891
iv) Lãi BCC (Thuyết minh 22)		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	418.691.264.655	313.424.657.534
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	-	970.317.918
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	-	298.743.200
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	-	298.743.200
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	-	373.429.002
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	-	373.429.002
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	-	373.429.002
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	-	612.423.563
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	-	671.873.460
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	-	671.873.460
Công ty TNHH BCG Ever5	-	373.429.002
Công ty TNHH BCG Ever6	-	373.429.002
Công ty TNHH BCG Ever7	-	225.292.242
	418.691.264.655	319.041.069.587

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
v) Nhận cổ tức (Thuyết minh 22)		
Công ty Cổ phần Skylar	99.000.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	9.000.000.000	54.000.000.000
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	6.860.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Aurai Wind	-	74.250.000.000
	<u>114.860.000.000</u>	<u>128.250.000.000</u>
vi) Tăng vốn		
Ông Vũ Ngọc Tiến	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	-	2.325.000.000.000
	<u>30.000.000.000</u>	<u>2.325.000.000.000</u>
vii) Vay (Thuyết minh 16(a))		
Ông Phạm Minh Tuấn	10.522.347.604	-
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	-	95.288.000.000
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	35.000.000.000
	<u>10.972.347.604</u>	<u>130.288.000.000</u>
viii) Trả gốc vay		
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp	20.000.000.000	-
Ông Phạm Minh Tuấn	10.522.347.604	-
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	-	95.288.000.000
	<u>30.972.347.604</u>	<u>95.288.000.000</u>

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<i>ix) Cho vay</i>		
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	63.715.000.000	24.871.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	38.900.000.000	45.067.500.000
Công ty Cổ phần Skylar	25.230.000.000	26.903.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	14.650.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	14.040.000.000	11.096.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	5.271.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	8.420.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	7.170.000.000	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	753.000.000	1.522.180.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	488.000.000	580.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	820.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	607.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	600.000.000	-
Công ty Cổ phần E Power 1	169.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	25.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG GAIA	-	1.846.486.705.055
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	-	449.980.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	35.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	-	5.340.204.166
	<u>180.858.000.000</u>	<u>2.416.881.589.221</u>

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
x) Thu hồi cho vay trong năm		
Công ty Cổ phần BCG GAIA	234.125.112.350	1.612.361.592.705
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	92.868.512.506	-
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	69.293.000.000	5.301.000.000
Công ty Cổ phần Skylar	21.434.835.000	51.439.660.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	14.650.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	13.420.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	12.922.000.000	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	11.260.204.166	44.733.866.384
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	4.676.000.000	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	-	610.000.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	-	200.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Apollo DV1	-	2.232.000.000
	<u>474.649.664.022</u>	<u>1.929.678.119.089</u>
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt	<u>3.052.037.246</u>	<u>3.129.000.000</u>
Trong đó:		
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	1.058.710.000	490.000.000
Ông Phạm Minh Tuấn	790.900.000	805.000.000
Bà Vũ Vân Ngọc Nicki	432.360.000	280.000.000
Ông Đồng Hải Hà	268.833.333	560.000.000
Ông Phạm Đăng Khoa	301.033.913	350.000.000
Bà Hoàng Thị Minh Châu	108.500.000	245.000.000
Ông Nguyễn Viết Cương	91.700.000	49.000.000

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2023 VND	2022 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	17.044.883.200	1.977.668.800
Công ty Cổ phần Skylar	7.058.205.500	720.066.000
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	3.226.424.000	1.107.496.800
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	2.745.572.400	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	2.394.347.600	1.139.443.200
Công ty Cổ phần BCG GAIA	648.000.000	-
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	529.200.000	453.600.000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	402.198.480	1.309.398.480
Công ty Cổ Phần Năng Lượng BCG Thanh Hóa	-	542.700.000
	<u>34.048.831.180</u>	<u>7.250.373.280</u>
ii) Cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7)		
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	362.236.000.000	244.980.000.000
Công ty Cổ phần Skylar	22.020.000.000	18.224.835.000
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	14.422.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	5.226.300.000	4.108.300.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	607.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	600.000.000	-
Công ty Cổ phần E Power 1	169.000.000	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	35.000.000	35.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	25.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG GAIA	-	234.125.112.350
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	-	53.968.512.506
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	-	11.260.204.166
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	-	5.000.000.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	-	1.022.180.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	-	705.000.000
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	-	86.000.000
	<u>405.340.300.000</u>	<u>593.515.144.022</u>

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
iii) Cho vay dài hạn (Thuyết minh 7)		
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	337.254.000.000	454.510.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	5.271.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	2.494.000.000	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	1.775.180.000	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	1.193.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	820.000.000	-
	<u>348.807.180.000</u>	<u>454.510.000.000</u>
iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	2.380.355.430.595	53.759.890.412
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch	109.569.883.548	48.435.313.546
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	4.267.752.161	-
Công ty Cổ phần Skylar	1.809.108.216	1.441.125.290
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải	959.440.985	959.440.985
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	550.833.298	54.278.123.066
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	175.486.086	54.122.015
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	137.243.152	46.595.129
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	109.047.950	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	68.789.587	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	28.218.082	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	11.095.890	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	3.350.957	200.959
Công ty Cổ phần E Power 1	1.725.535	-
Công ty Cổ phần Năng Lượng BCG Thạnh Hóa	-	1.056.220.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	-	710.678.333
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	-	351.369.861
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	-	294.682.722
	<u>2.498.047.406.042</u>	<u>161.387.762.318</u>

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(c) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
v) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 8(b))		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	-	2.500.000.000.000
vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11(a))		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	58.000.000.000	58.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Lục	52.000.000.000	162.627.982.231
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	5.372.067.374	1.528.767.374
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	3.043.267.000	17.390.000.000
Ông Vũ Ngọc Tiến	42.381.360	-
Công ty Taxi Việt Nam	631.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	-	3.951.209.067
Ông Phạm Minh Tuấn	-	170.804.257
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	119.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	-	40.999.750
	<u>118.458.346.734</u>	<u>243.828.762.679</u>
vii) Phải trả người bán dài hạn (Thuyết minh 11(b))		
Ông Nguyễn Văn Lục	<u>105.627.982.231</u>	<u>-</u>
viii) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	833.373.000.000	744.717.000.000
Ông Vũ Ngọc Tiến	-	300.000.000
	<u>833.373.000.000</u>	<u>745.017.000.000</u>

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
ix) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15(a))		
Công ty Cổ phần Mega Solar	11.480.000.000	52.379.900.000
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	6.787.590.000	14.026.590.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	-	51.293.984.747
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	3.212.041.095
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	-	907.200.000
Ông Vũ Ngọc Tiến	-	80.678.500.000
	<u>18.267.590.000</u>	<u>202.498.215.842</u>
x) Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 15(b))		
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	387.167.000.000
	<u>-</u>	<u>387.167.000.000</u>

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

30 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (“BCLCTT”)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT riêng

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 VND	2022 VND
Chuyển nợ vay thành đầu tư (*)	135.464.997.748	677.324.988.740
Chuyển nợ vay thành vốn chủ sở hữu	-	720.000.000.000

(*) Công ty tăng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần GAIA bằng cách trừ công nợ theo thuyết minh chi tiết 4(a).

31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động


Công ty phải trả mức tiền thuê tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2023 VND	2022 VND
Dưới 1 năm	1.935.800.000	5.769.400.000
Từ 1 đến 5 năm	613.200.000	2.424.000.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	2.549.000.000	8.193.400.000

36 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 02/04/NQ-HDQT-BCGE ngày 31 tháng 1 năm 2024, Công ty đã ký kết hợp đồng nguyên tắc ngày 31 tháng 1 năm 2024 để mua 45% cổ phần Công ty Cổ Phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0304374871 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2006. Theo đó, Công ty sẽ thực hiện phát triển thêm Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc – Huyện Củ Chi, Nhà máy đốt rác Tâm Sinh Nghĩa – Long An, Xã Tân Đông, Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An, Nhà máy xử lý rác Thành phố Rạch Giá – Kiên Giang tại Xã Mỹ Lâm, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang, Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Thủy Phương tại Xã Thủy Phương, Huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế và Nhà máy xử lý rác thải tại Xã Duy Minh, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam từ việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa nói trên.

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 29 tháng 2 năm 2024.



Nguyễn Thị Thanh Hạ
Người lập



Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng



Phạm Nguyễn Ngọc Thương
Chủ ký được ủy quyền